|  |  |
| --- | --- |
| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆPTHAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU-VINACOMIN**Số: 409/BC - VHTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Ninh, ngày 15 tháng 4 năm 2013* |

**`**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN**

**Năm báo cáo: 2012**

1. **Thông tin chung**
2. ***Thông tin khái quát***
* Tên giao dịch: Ha Tu Coal Joint Stock Company.

+ Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin.

+ Tên tiếng Anh: Vinacomin - Ha Tu Coal Joint Stock Company.

+ Tên viết tắt: VHTC.

* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101323 cấp lần đầu ngày 25/12/2006 tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh.
* Vốn điều lệ: 136.497.380.000 VNĐ *(bằng chữ: Một trăm ba sáu tỷ, bốn trăm chín bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).*
* Vốn đầu tư chủ sở hữu: 136.497.380.000 VNĐ *(bằng chữ: Một trăm ba sáu tỷ, bốn trăm chín bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).*
* Địa chỉ: Tổ 6 Khu 3, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
* Số điện thoại: (033).835169;
* Fax: (033).836120;
* Email: thanhatu@hatucoal.vn (hoặc thanhatu@yahoo.com);
* Website: [www.hatucoal.com.vn](http://www.hatucoal.com.vn) hoặc [www.thanhatu.vn](http://www.thanhatu.vn).
* Mã cổ phiếu: **THT**.
1. ***Quá trình hình thành và phát triển:***

Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin tiền thân là mỏ than Hà Tu, là Doanh nghiệp nhà nước, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty than Việt Nam *(nay đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam)* được thành lập theo quyết định số 2602/QĐ - TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp, đăng ký kinh doanh số 110947 ngày 14/10/1996 của UBKH Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/10/1996.

Ngày 01/10/2001 Hội đồng quản trị Tổng công ty than Việt Nam ban hành quyết định số 405/QĐ-HĐQT đổi tên Mỏ than Hà Tu thành Công ty than Hà Tu.

Năm 2006 Công ty thực hiện cổ phần hoá và chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần than Hà Tu theo Quyết số 2062/QĐ-BCN ngày 09/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp *(nay là Bộ Công Thương)* về việc phê duyệt phương án và chuyển công ty than Hà Tu thành Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV. Công ty đã được sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101323 ngày 25 tháng 12 năm 2006 với mức vốn điều lệ 91.000.000.000 đồng (*Chín mươi mốt tỷ đồng*).

Ngày 01 tháng 01 năm 2007 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%.

Ngày 08 tháng 9 năm 2010 Công ty đổi tên thành công ty cổ phần than Hà tu – Vinacomin.

Ngày 24/10/2008 Công ty chính thức được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX).

1. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***
* Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** |  **Mã ngành** |
|  01 | Khai thác và thu gom than cứng | 0510 (Chính) |
|  02 | Khai thác và thu gom than non | 0520 |
|  03 | Khai thác và thu gom than bùn | 0892 |
|  04 | Khai thác quặng và các kim loại không chứa sắt. | 0722 |
|  05 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
|  06 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác | 0990 |
|  07 | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ | 4933 |
|  08 | Kho bãi và lưu trữ hàng hoá | 5210 |
|  09 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 |
|  10 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 |
|  11 | Sửa chữa máy móc thiết bị | 3312 |
|  12 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn | 3311 |
|  13 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
|  14 | Sửa chữa thiết bị điện | 3314 |
|  15 | Sửa chữa thiết bị khác | 3319 |
|  16 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
|  17 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
|  18 | Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ | 02102 |
|  19 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
|  20 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới…) | 5621 |
|  21 | Sản xuất các loại bánh từ bột | 1071 |
|  22 | Hoạt động các cơ sở thể thao | 9311 |

* Địa bàn kinh doanh:

+ Phường Hà Tu- Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh;

+ Khu 4 Thị trấn Lộc Thắng – Huyện Bảo Lâm – Tỉnh Lâm Đồng.

1. ***Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:***
* Mô hình quản trị:

+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

+ Ban Giám đốc điều hành: 06. Trong đó, 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, 01 Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật khai thác, 01 Phó Giám đốc phụ trách Cơ điện - Vận tải, 01 Phó Giám đốc phụ trách Môi trường và dự án phát triển mỏ, 01 Phó Giám đốc phụ trách về Tài chính kinh tế, 01 Kế toán trưởng.

+ Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:

* Cơ cấu bộ máy quản lý:

|  |  |
| --- | --- |
| 01- Văn phòng 02- Phòng Tổ chức lao động03- Phòng Pháp chế & Quan hệ cổ đông 04- Phòng Y tế05- Phòng Kế hoạch06- Phòng Quản lý Vật Tư07- Phòng Kế toán thống kê08- Phòng Cơ điện09- Phòng Vận tải10- Phòng An toàn | 11- Phòng Kỹ thuật mỏ12- Phòng Đầu tư xây dựng13- Phòng Bảo vệ - Quân sự14- Phòng Trắc địa15- Phòng Địa chất16- Phòng KCS17- Phòng Điều khiển sản xuất18- Phòng Thi đua Văn thể19- Phòng Môi trường và tiến bộ kỹ thuật |

* Các công trường, Phân xưởng:

|  |  |
| --- | --- |
| 01- Công trường Vỉa Trụ Tây 02- Công trường Vỉa Trụ Đông03- Công trường Vỉa 7&804- Công trường Than 1 05- Công trường Than 206- Công trường Bơm nước và làm đường07- Phân xưởng Dịch vụ đời sống08- Phân xưởng Dịch vụ tổng hợp09- Phân xưởng sửa chữa Ôtô số 110- Phân xưởng sửa chữa Ô tô số 2 | 11- Phân xưởng sửa chữa Cơ điện12- Phân xưởng Xe 113- Phân xưởng Xe 214- Phân xưởng Xe 315- Phân xưởng Xe 416- Phân xưởng Xe 517- Phân xưởng Xe 618- Phân xưởng Xe 719- Đội xe Văn phòng20- Ban quản lý Tân Rai. |

1. ***Định hướng phát triển***

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

Phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một Công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phấn đấu xây dựng mỏ than Hà Tu - Vinacomin trở thành mỏ xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững.

Triển khai dự án duy trì và phát triển mỏ giai đoạn sau năm 2018, tiếp tục lập dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh với sản lượng dự kiến 2,5 triệu tấn than/năm. Tăng cường triển khai các dự án phát triển và mở rộng sản xuất của Công ty trong tình hình mới đối với cả khu vực Tân Rai - Lâm Đồng.

1. **Tình hình hoạt đông trong năm**
2. ***Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.***
* Những khó khăn:

Năm 2012, do chịu ảnh hưởng suy thoái của nền kinh tế đã tác động mạnh đến sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn, tình hình tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, giá bán than trên thị trường giảm mạnh, các chỉ tiêu sản xuất bị cắt giảm.

Từ tháng 4/2012 Tập đoàn đã ra chỉ thị số 65/CT-VINACOMIN ngày 17/4/2012 về việc tiết giảm 5% chi phí của các đơn vị, theo đó chi phí của Công ty đã bị cắt giảm 68 tỷ, đầu tháng 7 vừa qua Tập đoàn tiếp tục cắt giảm 15% sản lượng đất bóc của Công ty, điều đó đã đặt ra cho Công ty một bài toán khó trong việc đảm bảo lợi nhuận cũng như việc làm và thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, Tập đoàn cắt giảm 26 tỷ lợi nhuận, do đó lợi nhuận kế hoạch của Công ty chỉ còn 15 tỷ, tất cả các giá trị cắt giảm Tập đoàn đều thông qua giảm giá thanh toán cho Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn về dòng tiền do tồn đọng tại các dự án, chi phí ký quỹ môi trường, tổng giá trị là 80 tỷ, ngoài ra còn do tình hình tiêu thụ của Công ty không đảm bảo tiến độ, tồn kho lớn.

* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

Năm 2012, mặc dù tình hình sản xuất có quá nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp tổ chức, điều hành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác quản trị chi phí, do vậy đã đạt được một số kết quả:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ChØ tiªu** | TH n¨m 2011 | **KH n¨m 2012** |
| **1** | Bãc ®Êt ®¸ (m3) | 21.864 | 14.304.157 |
| **2** | Than s¶n xuÊt (tÊn) | 1.650 | 1.202.153 |
| **3** | HÖ sè bãc (m3/tÊn) | 14,58 | 12,48 |
| **4** | Doanh thu tæng sè (triÖu ®ång) | 2.064.756 | 1.442.255 |
| **5** | Nép ng©n s¸ch Nhµ n­íc (triÖu ®ång) | 240.117  | 207.632 |
| **6** | Lîi nhuËn tr­íc thuÕ (triÖu ®ång) | 73.739 | 26.186 |
| **7** | Thu nhập bình quân (đ/người/tháng) | 7.551.000 | 6.276.656 |
| **8** | Cæ tøc (%) vèn §iÒu lÖ | 18 | 10 |

Than sản xuất: Theo nghị quyết HĐCĐ năm 2012, kế hoạch của Công ty khai thác 1.400.000 tấn than (tăng 200.000 tấn), tuy nhiên do tình hình tiêu thụ khó khăn của Tập đoàn, Tập đoàn đã điều chỉnh giảm kế hoạch sản lượng của hầu hết các đơn vị thành viên, do đó Công ty đã không những không tăng được mà đã phải rất khó khăn mới giữ được sản lượng khai thác theo kế hoạch đầu năm.

Về than tiêu thụ: Năm 2012, kế hoạch tiêu thụ toàn Tập đoàn 41 triệu tấn, tuy nhiên đến hết quý I, tiêu thụ Tập đoàn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là xuất khẩu than bị cạnh tranh gay gắt về giá giữa các nước trong khu vực và thế giới, Tập đoàn đã điều chỉnh giảm kế hoạch xuống 39 triệu tấn, và thực hiện năm 2012 chỉ đạt 37 triệu tấn. Vì những lý do đó, mặc dù than sản xuất của Công ty vẫn đảm bảo theo kế hoạch sản lượng và chủng loại than, nhưng tiêu thụ vẫn chỉ đạt 93,1%.

Về lợi nhuận: Theo kế hoạch đầu năm lợi nhuận theo nghị quyết ĐHĐCĐ là 55 tỷ (lợi nhuận theo kế hoạch Tập đoàn 41,8 tỷ đồng). Tuy nhiên, trong năm Tập đoàn đã cắt giảm 5% chi phí tương ứng với 68 tỷ, cắt giảm kế hoạch lợi nhuận 26 tỷ thông qua cắt giảm giá mua than của Công ty. Tuy nhiên, bằng các giải pháp hữu hiệu và sự quyết tâm của Tập thể CBCVN Công ty trong việc tiết giảm chi phí do đó trong năm 2012 lợi nhuận Công ty đã đạt được 26/15,7 tỷ tăng 66,8% kế hoạch.

Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2012 nhìn chung đều giảm so với năm 2011 là do suy thoái chung của nền kinh tế thế giới, khu vực và cả nước. Ngành than cũng phải giảm sản lượng than khai thác, than tiêu thụ và đặc biệt là giá bán than giảm.

1. ***Tổ chức nhân sự***
	1. ***Tóm tắt lý lịch của Giám đốc Hoàng Minh Hiếu.***
* Họ và tên: HOÀNG MINH HIẾU
* Giới tính: ☑ nam nữ
* Số CMND: 100555291; Ngày cấp: 03/7/2007; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
* Ngày tháng năm sinh: : 09/4/1961;
* Quốc tịch: Việt Nam.
* Dân tộc: Kinh.
* Quê quán: Hải Đông - Móng Cái - Quảng Ninh
* Địa chỉ thường trú: Tổ 6, khu 8, P. Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh.
* Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913.263924
* Trình độ văn hoá: 10/10
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
* Quá trình công tác:

+ Từ 10/1983-11/1988: CB kỹ thuật Ban quản lý công trình II;

+ Từ 11/1988-1990: Công tác tại Mỏ than Núi Béo;

+ Từ 1990-10/1991: Phó quản đốc C.Trường Vỉa 11 Mỏ than Núi Beó;

+ Từ 11/1991-12/1995: Phó phòng Điều khiển SX Mỏ than Núi Béo;

+ Từ 12/1995-01/1997: Trưởng phòng ĐK sản xuất Mỏ than Núi Béo;

+ Từ 01/1997-7/1997: Trợ lý Giám đốc Mỏ than Núi Béo;

+ Từ 7/1997-12/2004: Phó Giám đốc Mỏ than Núi Béo;

+ Từ 1/2005-3/2007: Trưởng ban điều độ sản xuất than Tập đoàn TKV.

+ Từ 4/2007 đến nay: Giám đốc C.Ty cổ phần than Hà Tu – Vinacomin.

* Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT khoá II (2012-2017) - Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu – Vinacomin.
* Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó bí thư Đảng bộ Công ty.
* Số cổ phần đang nắm giữ: 6.977.253 cổ phần
* Trong đó: \* Sở hữu cá nhân: 15.753 cổ phần;

 \* Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 6.961.500 cổ phần.

* Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
* Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
	1. ***Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hồng Sơn.***
* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG SƠN
* Giới tính: ☑ nam 🞎 nữ
* Số CMND: 100993343; Ngày cấp: 01/4/2005; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
* Ngày tháng năm sinh: 12/01/1959;
* Quốc tịch: Việt Nam.
* Dân tộc: Kinh.
* Quê quán: Hương Sơn – Hà Tĩnh
* Địa chỉ thường trú: Phường Hồng Hải - TP Hạ Long – Quảng Ninh.
* Số điện thoại liên lạc: 0915502953
* Trình độ văn hoá: 10/10
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác lộ thiên
* Quá trình công tác:

+ Từ T4/1983-7/1985: Kỹ thuật viên C.Trường mìn – Mỏ than Hà Tu;

+ Từ T8/1985-02/1989: Phó Quản đốc C.Trường mìn – Mỏ than Hà Tu;

+ Từ T3/1989-6/1992: Phó phòng Kỹ thuật – Mỏ than Hà Tu;

+ Từ T7/1992-7/1993: Trưởng phòng Kỹ thuật – Mỏ than Hà Tu;

+ Từ T8/1993-5/1995: Trưởng phòng KCS – Mỏ than Hà Tu;

+ Từ T6/1995 đến nay: Phó Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu-Vinacomin.

* Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT khoá II (2012-2017) - Phó giám đốc C.Ty CP than Hà Tu – Vinacomin.
* Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
* Số cổ phần đang nắm giữ: 1590 cổ phần
* Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1590 cổ phần;

 + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

* Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có.
* Nêu rõ tên và quan hệ của người có liên quan: Không.
* Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
	1. ***Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Mạnh Cường.***
* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH CƯỜNG
* Giới tính: ☑ nam 🞎 nữ
* Số CMND: 101133018; Ngày cấp: 28/4/2008; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
* Ngày tháng năm sinh: 01/02/1958;
* Quốc tịch: Việt Nam.
* Dân tộc: Kinh.
* Quê quán: Bình Xuyên, Bình Giang, Hải Dương.
* Địa chỉ thường trú: Tổ 1 khu 4b – P.Hồng Hải – Hạ Long – Quảng Ninh.
* Số điện thoại liên lạc: 0913263280
* Trình độ văn hoá: 10/10
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ;
* Quá trình công tác:

+ Từ 12/1975 ÷ 12/1980 Đại học mỏ Đại chất khoa lộ thiên;

+ Từ 01/1981 ÷ 02/1983 Đi nghĩa vụ quân sự CT D2E601;

+ Từ 5/1983 ÷ 4/1984 Phụ lái máy xúc C.Trường Xúc - Mỏ than Hà Tu.

+ Từ 5/1984 ÷ 10/1986 Phó Quản đốc C.Trường xúc - Mỏ than Hà Tu;

+ Từ 11/1986÷10/1987 Trưởng ca phòng ĐKSX - Mỏ than Hà Tu;

+ Từ 11/1987÷7/1993 Bí thư Đoàn thanh niên - Mỏ than Hà Tu;

+ Từ 8/1993÷3/1999 Trưởng phòng ĐKSX - Mỏ than Hà Tu;

+ Từ 4/1999 ÷ Đến nay Phó Giám đốc - Công ty CP than Hà Tu.

* Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty.
* Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
* Số cổ phần đang nắm giữ: 1806 cổ phiếu.
* Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1806 cổ phiếu;
* + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
* Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
* Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
	1. ***Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Vũ Hồng Cẩm.***
* Họ và tên: VŨ HỒNG CẨM
* Giới tính: Nam;
* Số CMND: 100522556; Ngày cấp: 15/7/2009; Nơi cấp: Quảng Ninh;
* Ngày tháng năm sinh: Ngày 19 tháng 4 năm 1970;
* Quốc tịch: Việt Nam
* Dân tộc: Kinh
* Quê quán: Xã Ái Quốc – huyện Nam Sách – tỉnh Hải Dương;
* Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu 4C, phường Hồng Hải, Hạ Long, QN.
* Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033.3835.383
* Trình độ văn hóa: 12/12
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
* Quá trình công tác:

+ Từ 01/1996-8/1997 Công nhân C.Trường xúc Vỉa 16 mỏ than Hà Tu;

+ 9/1997-4/2000 Nhân viên Phòng Kỹ thuật mỏ - Mỏ than Hà Tu;

+ 5/2000-11/2000 Phó quản đốc, Công trường Than – Mỏ than Hà Tu;

+ 12/2000-6/2001 Phó quản đốc C.Trường Vỉa Tụ - C.Ty than Hà Tu;

+ 7/2001-8/2002 Quản đốc C.Trường Xúc – C.Ty than Hà Tu;

+ 9/2002-12/2005 Quản đốc C.Trường Vỉa Trụ - C.Ty than Hà Tu;

+ 01/2006-01/2011 Trưởng phòng ĐKSX – C.Ty CP than Hà Tu;

+ 02/2011-05/2011 Trợ lý Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu;

+ 06/2011- đến nay Phó Giám đốc công ty CP than Hà Tu – Vinacomin.

* Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty CP than Hà Tu - Vinacomin;
* Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có;
* Số cổ phần đang nắm giữ: Không có;
* Trong đó: Sở hữu cá nhân: Không có;

 Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không có;

* Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có;
* Nêu rõ tên và quan hệ của người có liên quan: Không có;
* Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
	1. ***Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Ong Thế Minh.***
* Họ và tên: ONG THẾ MINH
* Giới tính: ☑ nam 🞎 nữ
* Số CMND: 100047037; Ngày cấp: 16/10/2002; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
* Ngày tháng năm sinh: 18/12/1963;
* Quốc tịch: Việt Nam.
* Dân tộc: Kinh.
* Quê quán: Yên Dũng – Hà Bắc.
* Địa chỉ thường trú: Tổ 46b khu 4 – P.Hồng Hà – Hạ Long – Quảng Ninh.
* Số điện thoại liên lạc: 033 3835737
* Trình độ văn hoá: 10/10
* Trình độ chuyên môn: \* Cử nhân kinh tế ngành thống kê (chính quy);

 \* Kỹ sư khai thác mỏ (tại chức).

* Quá trình công tác:

+ Từ 12/1999 ÷ 4/2001 Nhân viên – Phòng KH – Mỏ than Hà Tu;

+ Từ 5/2001 ÷ 02/2003 Nhân viên – Phòng KH – Công ty than Hà Tu;

+ Từ 3/2003 ÷ 01/2005 Phó phòng KH – Công ty than Hà Tu;

+ Từ 02/2005 ÷ 02/2007 Trưởng phòng KH - Công ty cổ phần than Hà Tu;

- Từ 03/2007 ÷ 11/2010 Phó phòng KH - Công ty cổ phần than Hà Tu;

- Từ 12/2010 ÷ 03/2012 Phó giám đốc - Công ty cổ phần than Hà Tu.

* Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007-2011 - Phó giám đốc Công ty.
* Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
* Số cổ phần đang nắm giữ: 289 cổ phiếu.
* Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 289 cổ phiếu;
* + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
* Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
* Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
	1. ***Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Đặng Văn Tĩnh***
* Họ và tên: ĐẶNG VĂN TĨNH
* Giới tính: ☑ nam 🞎 nữ
* Số CMND: 100632259; Ngày cấp: 25/7/2003; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
* Ngày tháng năm sinh: 02/5/1975;
* Quốc tịch: Việt Nam.
* Dân tộc: Kinh.
* Quê quán: Đông Vinh – Đông Hưng – Thái Bình.
* Địa chỉ thường trú: Tổ 30D khu 2B, P.Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.
* Số điện thoại liên lạc: 033 3835654.
* Trình độ văn hoá: 12/12
* Trình độ chuyên môn: \* Kỹ sư chế tạo máy;

 \* Cử nhân quản trị kinh doanh.

* Quá trình công tác:

+ Từ 02/1998 ÷ 12/1998 Công nhân XN cơ khí ô tô Quảng Ninh;

+ Từ 01/1999 ÷ 6/1999 Nhân viên XN cơ khí ô tô Quảng Ninh;

+ Từ 7/1999 ÷ 12/2000 Quản đốc Xưởng I - XN cơ khí ô tô QN;

+ Từ 01/2001 ÷ 12/2005 T.Phòng kinh doanh - XN cơ khí ô tô QN;

+ Từ 01/2006 ÷ 3/2006 Quản đốc X I C.Ty CP cơ khí Giao thông QN;

+ Từ 4/2006 ÷ 6/2007 Nhân viên phòng Vận tải - Công ty than Hà Tu;

+ Từ 7/2007 ÷ 12/2008 Phó quản đốc Xe 11 - Công ty CP than Hà Tu;

+ Từ 01/2009 ÷ 12/2009 Quản đốc Xe 11 - Công ty CP than Hà Tu.

+ Từ 01/2010 ÷ 3/2012 Trưởng phòng Vận tải - Công ty CP than Hà Tu.

* Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012-2017) – Phó Giám đốc Công ty.
* Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Uỷ viên BTV Đảng uỷ, Uỷ viên BCH Công đoàn công ty.
* Số cổ phần đang nắm giữ: không.
* Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không;
* + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
* Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
* Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
	1. ***Tốm tắt lý lịch của Kế toán trưởng Lê Thị Cẩm Thanh.***
* Họ và tên: LÊ THỊ CẨM THANH
* Giới tính: Nữ
* Ngày tháng năm sinh: 13/10/1959
* Nơi sinh: TP. Hạ Long - Quảng Ninh
* Quốc tịch: Việt Nam
* Dân tộc: Kinh
* Quê quán: Xã Đồng Sơn - Huyện Nam Ninh - Tỉnh Nam Định
* Số CMND: 100102274; Ngày cấp: 18/4/1998; Nơi cấp: CA Q.Ninh
* Địa chỉ thường trú: Tổ 89 khu 6 P. Bạch Đằng - TP. Hạ Long - Quảng Ninh
* Điện thoại liên lạc: 0912.187980
* Trình độ văn hóa: 10/10
* Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
* Quá trình công tác:

+ Từ T2/1978 - 4/1980: Cán bộ Ban tài chính giá cả thuộc Sở Tài chính Quảng Ninh

+ Từ 5/1980 - 9/1982: Học lớp Trung cấp kế toán công nghiệp;

+ Từ 10/1982 - 4/1984: Thống kê Công trường khoan - Mỏ than Hà Tu;

+ Từ 5/1984 - 6/1995: Cán bộ phòng Kế toán thống kê-Mỏ than Hà Tu;

+ Từ 7/1995 - 11/1997: Chuyên viên Phòng Kế toán tài chính- Cty than Hòn Gai;

+ Từ 12/1997 - 6/1998: Trưởng phòng Kế toán - Mỏ than Hà Trung;

+ Từ 7/1998 - 12/1998: Cán bộ Phòng Kế toán tài chính - Cty Than Hòn Gai;

+ Từ 01/1999 - 02/2005: Phó phòng Kế toán thống kê - Cty than Hà Tu;

+ Từ 3/2005 đến nay: Kế toán trưởng Cty CP Than Hà Tu – Vinacomin;

* Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Cty CP than Hà Tu – Vinacomin.
* Chức vụ công tác ở Công ty khác: Thành viên Ban Kiểm soát - Cty CP cromít - Cổ Định – Thanh Hoá
* Số cổ phần nắm giữ: 1.951 cổ phần
* Trong đó: \* Sở hữu cá nhân: 1.951 cổ phần

 \* Đại diện phần vốn Nhà nước: Không cổ phần

* Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
* Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
	1. ***Những thay đổi trong Ban điều hành:***

Ông Lý Văn Công giữ chức vụ Phó Giám đốc Cơ điện – Vận tải từ tháng 01/2012 đén tháng 3/2012 sau đó chuyển qua làm Chủ tịch Công đoàn chuyên trách của Công ty.

Ông Đặng Văn Tĩnh Trưởng phòng Vận tải giữ chức vụ Phó Giám đốc từ tháng 6/2012 đến nay.

* 1. ***Số lượng cán bộ, nhân viên:***

Số lượng Cán bộ công nhân viên có đến ngày 31/12/2012 là 2.722 người trong đó có 852 là lao động nữ.

1. ***Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.***

Các dự án, hạng mục công trình Công ty lập và trình duyệt theo đúng quy định của Pháp luật, quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của công ty đã mang lại hiệu quả thiết thực, tham gia sản xuất góp phần thực hiện hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2012, chuẩn bị kịp thời thực hiện kế hoạch năm 2013 và các năm tiếp theo.

Các dự án, hạng mục công trình đầu tư xây dựng của Công ty trong năm 2012 đã thực hiện được 92% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, giá trị thực tế đạt được so với kế hoạch là 94,4% vì: Công ty đã tiết kiệm chi phí được 2,4% giá trị do làm tốt công tác tổ chức đấu thầu và chào hàng cạnh tranh ở các gói thầu.

Các công trình, dự án trọng điểm đã được thực hiện trong năm 2012 gồm:

- Dự án đầu tư duy trì công suất mỏ thực hiện 15.191 triệu đồng;

- Dự án đầu tư an toàn và tiết kiệm điện thực hiện 8.463 triệu đồng;

- Dự án đầu tư mặt bằng sàng 3 phục vụ chế biến sâu thực hiện 6.480 triệu đồng;

- Dự án đầu tư máy bơm nước thực hiện 1.711 triệu đồng;

- Dự án đầu tư lắp đặt trạm cân thực hiện 1.777 triệu đồng.

1. ***Tình hình tài chính***
	1. ***Tình hình tài chính:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ChØ tiªu** | **N¨m 2011** | **N¨m 2012** | **% t¨ng gi¶m** |
| Tæng gi¸ trÞ tµi s¶n | 735.180.594.846 | 699.037.610.593 | 95,08 |
| Doanh thu thuÇn | 2.062.623.023.563 | 1.575.560.360.048 | 76,39 |
| Lîi nhuËn tõ ho¹t ®éng s¶n xuÊt kinh doanh | 66.950.290.111 | 23.723.948.616 | 35,44 |
| Lîi nhuËn kh¸c | 6.264.143.503 | 2.461.694.031 | 39,30 |
| Lîi nhuËn trư­íc thuÕ | 73.214.433.614 | 26.185.642.647 | 35,77 |
| Lîi nhuËn sau thuÕ | 64.041.962.101 | 18.824.901.871 | 29,39 |
| L·i c¬ b¶n trªn cæ phiÕu | 4.692 | 1.379 | 29,39 |

* 1. ***Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ChØ tiªu** | **N¨m 2011** | **N¨m 2012** | **Ghi chó** |
| 1. ChØ tiªu vÒ kh¶ n¨ng thanh to¸n
 |  |  |  |
| + HÖ sè thanh to¸n ng¾n h¹n | 1,18 | 1,05 |  |
| + HÖ sè thanh to¸n nhanh: | 0,019 | 0,008 |  |
| 1. ChØ tiªu vÒ c¬ cÊu vèn
 |  |  |  |
| + Nî ph¶i tr¶ / Tæng nguån vèn | 0,67 | 0,65 |  |
| + Nguån vèn chñ së h÷u / Tæng nguån vèn | 0,33 | 0,35 |  |
| 1. ChØ tiªu vÒ n¨ng lùc ho¹t ®éng
 |  |  |  |
| + Vßng quay hµng tån kho: | 25,07 | 11,83 |  |
| + Doanh thu thuÇn/Tæng tµi s¶n | 2,81 | 2,25 |  |
| 1. ChØ tiªu vÒ kh¶ n¨ng sinh lêi
 |  |  |  |
| + HÖ sè lîi nhuËn sau thuÕ/Doanh thu thuÇn | 0,031 | 0,012 |  |
| + HÖ sè lîi nhuËn sau thuÕ/Vèn chñ së h÷u | 0,261 | 0,077 |  |
| + HÖ sè lîi nhuËn sau thuÕ/Tæng tµi s¶n | 0,087 | 0,027 |  |
| + HÖ sè lîi nhuËn tõ ho¹t ®éng kinh doanh/Doanh thu thuÇn | 0,032 | 0,015 |  |

1. ***Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu***
	1. ***Cổ phần:*** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 13.649.738 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.
	2. ***Cơ cấu cổ đông:***
* Cổ đông trong nước: Sở hữu 13.055.838 cổ phần chiếm 95,65 %; Với:

+ Cổ đông tổ chức sở hữu 7.877.760 cổ phần chiếm 57,71%;

+ Cổ đông cá nhân sở hữu 5.178.078 cổ phần chiếm 37,94%.

* Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 593.900 cổ phần chiếm 4,35 %. Với:

+ Cổ đông tổ chức sở hữu 336.700 cổ phần chiếm 2,47%;

+ Cổ đông cá nhân sở hữu 257.200 cổ phần chiếm 1,88%.

* Cổ đông lớn:

+ Tập đoàn Vinaacomin sở hữu: 6.961.500 cổ phần chiếm 51,00%;

+ Công ty Cơ điện lạnh REE sở hữu: 509.400 cổ phần chiếm 3,73%.

* 1. ***Tình hình thay đổi vố đầu tư của chủ sở hữu:***

Ngày 27/06/2012 Công ty tăng vốn điều lệ của Công ty từ 91.000.000.000 đồng lên 136.497.380.000 đồng.

* 1. ***Giao dịch cổ phiếu quỹ:***Không;
	2. ***Các chứng khoán khác:*** Không.
1. **Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**
2. ***Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:***

Năm 2012, mặc dù tình hình sản xuất có quá nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp tổ chức, điều hành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác quản trị chi phí, do vậy đã đạt được một số kết quả:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2012:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch Tập đoàn | Thực hiện 2012 | %KHĐN | %KHĐC |
| Đầu năm | Điều chỉnh |
| 1 | Than nguyên khai | tấn | 1.200.000 | 1.200.000 | 1.202.153 | 100,2 | 100,2 |
| 2 | Đất đá bốc xúc | m3 | 16.800.000 | 14.280.000 | 14.304.157 | 85,14 | 100,2 |
| 4 | Than tiêu thụ | tấn | 1.155.000 | 1.155.000 | 1.075.766 | 93,1 | 93,1 |
| 5 | Doanh thu than | Trđ | 1.746.680 | 1.457.442 | 1.442.255 | 82,6 | 99,0 |
| 6 | Lợi nhuận tổng số | Trđ | 41.864 | 15.699 | 26.186 | 62,6 | 166,8 |
| 7 | Lao động | Ng | 2.613 | 2.419 | 2.861 | 109 | 118 |
| 8 | Tiền lương b/quân | 1000đ/ng/t | 6.421 | 6.023 | 6.277 | 97,8 | 104,2 |

Than sản xuất: Theo nghị quyết HĐCĐ năm 2012, kế hoạch của Công ty khai thác 1.400.000 tấn than (tăng 200.000 tấn), tuy nhiên do tình hình tiêu thụ khó khăn của Tập đoàn, Tập đoàn đã điều chỉnh giảm kế hoạch sản lượng của hầu hết các đơn vị thành viên, do đó Công ty đã không những không tăng được mà đã phải rất khó khăn mới giữ được sản lượng khai thác theo kế hoạch đầu năm.

Về than tiêu thụ: Năm 2012, kế hoạch tiêu thụ toàn Tập đoàn 41 triệu tấn, tuy nhiên đến hết quý I, tiêu thụ Tập đoàn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là xuất khẩu than bị cạnh tranh gay gắt về giá giữa các nước trong khu vực và thế giới, Tập đoàn đã điều chỉnh giảm kế hoạch xuống 39 triệu tấn, và thực hiện năm 2012 chỉ đạt 37 triệu tấn. Vì những lý do đó, mặc dù than sản xuất của Công ty vẫn đảm bảo theo kế hoạch sản lượng và chủng loại than, nhưng tiêu thụ vẫn chỉ đạt 93,1%.

Về lợi nhuận: Theo kế hoạch đầu năm lợi nhuận theo nghị quyết ĐHĐCĐ là 55 tỷ (lợi nhuận theo kế hoạch Tập đoàn 41,8 tỷ đồng). Tuy nhiên, trong năm Tập đoàn đã cắt giảm 5% chi phí tương ứng với 68 tỷ, cắt giảm kế hoạch lợi nhuận 26 tỷ thông qua cắt giảm giá mua than của Công ty. Tuy nhiên, bằng các giải pháp hữu hiệu và sự quyết tâm của Tập thể CBCVN Công ty trong việc tiết giảm chi phí do đó trong năm 2012 lợi nhuận Công ty đã đạt được 26/15,7 tỷ tăng 66,8% kế hoạch.

* 1. ***Về công tác tổ chức ĐHSX, quản lý kỹ thuật và chế biến tiêu thụ:***

Công ty đã bám sát các khâu then chốt, giải quyết kịp thời các vướng mắc, ách tắc trong sản xuất, đảm bảo các khâu trong dây truyền sản xuất được liên tục. Thường xuyên tiến hành kiểm tra đôn đốc công tác vận hành thiết bị.

Đã thực hiện các giải pháp kỹ thuật công nghệ và tổ chức sản xuất phù hợp, có phương án kỹ thuật khai thác hợp lý mang lại hiệu quả. Thường xuyên bám sát, khảo sát thực tế, chỉ đạo sản xuất tại các khai trường trong toàn Công ty.

Quản lý tốt các chỉ tiêu kỹ thuật như: hệ số sử dụng mét khoan, suất phá đá; lập phương án và tổ chức khai thác lại góp phần tăng hiệu quả SXKD.

Làm tốt công tác chọn lọc than ngay tại vỉa … nên đã nâng cao chất lượng than và đảm bảo cung cấp đủ, đạt chất lượng than phục vụ công tác tiêu thụ.

* 1. ***Công tác quản trị và tiết giảm chi phí:***

Cơ chế khoán quản, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty đó từng bước được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty đã xác định được mục đính khoán quản trị chi phí, nhằm hạ giá thành sản phẩm tiết kiệm chi phí để SXKD có hiệu quả, tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người lao động.

Thực hiện Chỉ thị số 65/CT-VINACOMIN ngày 17/4/2012 “Về các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành sản xuất tiêu thụ sản phẩm và tiết giảm chi phí 9 tháng năm 2012”. Công ty đã xây dựng và triển khai các giải pháp trong của Công ty được cụ thể hóa bằng Chỉ thị số 926/CT-VHTC về các giải pháp tiết giảm chi phí 9 tháng cuối năm 2012. Kết quả thực hiện các giải pháp tiết giảm đã đem lại hiệu quả cao, cụ thể năm 2012 mặc dù đã bị cắt giảm 5% chi phí và cắt giảm lợi nhuận nhưng lợi nhuận công ty vẫn đạt 26 tỷ tăng 66,8% kế hoạch điều chỉnh.

* 1. ***Công tác an toàn, bảo hộ lao động:***

Với phương châm an toàn là mục tiêu hàng đầu, nên ngay từ đầu năm Công ty đó tập trung chỉ đạo từ các phòng ban đến các công trường, phân xưởng và người lao động cùng cả hệ thống chính trị, đều đồng nhất phối kết hợp tham gia thực hiện công tác AT-BHLĐ. Công ty đã tập trung tăng cường công tác kiểm tra giám sát an toàn 3 ca trên Công trường, tập trung nhiều ở những nơi tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn. Hoạt động đôn đốc an toàn được quyết liệt hơn, xử lý nghiêm các vi phạm, ngăn ngừa và hạn chế các tại nạn sự cố.

* 1. ***Công tác Bảo vệ - Quân sự:***

Công tác an ninh chính trị, trật tự khai trường vẫn được đảm bảo, chủ động xây dựng các phương án bảo vệ, phối hợp với các cơ quan Công an, chính quyền địa phương bảo vệ khai trường sản xuất, quản lý chặt chẽ người và thiết bị ra vào khai trường.

Công tác bảo vệ tải sản: kiên quyết xử lý các vi phạm trộm cắp tài sản, phối hợp với các đơn vị, phòng ban giải quyết vi phạm theo quy định. Đặc biệt trong quý III lực lượng bảo vệ đã phối hợp với Công an Tỉnh bắt quả tang vụ mua bán dầu trái phép tại kho dầu 15 của Xí nghiệp vật tư vận tải Hòn Gai.

* 1. ***Các hoạt động ngoài than:***

Khai thác quặng tại Tân rai – Lâm Đồng: Năm 2012 do nhà máy alumin chậm đưa vào vận hành, lượng quặng Công ty khai thác còn tồn nhiều, Tập đoàn đã chỉ đạo tạm dừng khai thác Bauxit từ 30/6/2012 để chờ nhà máy hoàn thiện và vận hành, đến đầu quý IV/2013 Công ty tiếp tục triển khai thực hiện.

Sản lượng thực hiện năm 2012 (thực hiện đến 30/6) đạt như sau:

+ Quặng khai thác: 728.060/1.897.674 tấn bằng 38,4% kế hoạch năm.

+ Đất đá bốc xúc: 179.824/247.689 m3 bằng 72,6% kế hoạch năm 2012.

+ Doanh thu đến hết tháng 6: 27.028 triệu đồng. (hồ thải quặng đuôi số 6)

+ Lợi nhuận: năm 2012 là 1.150 triệu đồng (lợi nhuận sau 2 năm triển khai dự án là 1.825 triệu đồng)

Sản lượng và doanh thu đạt thấp do những nguyên nhân khách quan, do nhà máy alumin chậm đưa vào vận hành, Tập đoàn đã chỉ đạo tạm dừng khai thác Bauxit để chờ nhà máy hoàn thiện và vận hành.

Ngoài ra Công ty còn có một số hạng mục kinh doanh ngoài than như Phân xưởng dịch vụ tổng hợp, kinh doanh trong lĩnh vực thể thao và dịch vụ ăn uống chủ yếu để tạo việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên Công ty. Doanh thu từ hoạt động trên cũng được tăng lên theo từng năm, cụ thể năm 2012 doanh thu đạt 8,7 tỷ đồng tăng 12% so với năm 2011.

1. ***Tình hình tài chính:***
	1. ***Tình hình tài sản:***

Tài sản cố định của Công ty giảm 63,7 tỷ đồng so với năm 2011. Tổng tài sản giảm 36,1 tỷ đồng là do trong năm 2012 Công ty không mua sắm tài sản và khấu hao TSCĐ tăng dẫn đến giá trị TSCĐ giảm hơn nữa trong năm còn thanh lý một số TSCĐ dẫn đến giá trị tài sản cố định và tổng tài sản giảm so với năm 2011.

* 1. ***Tình hình nợ phải trả:***

Nợ phải trả giảm 34,6 tỷ đồng so với năm 2011 và các khoản nợ đều nằm trong khả năng thanh toán của Công ty.

1. ***Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.***

Công tác kỹ thuật, điều hành sản xuất đã hoạch định phương hướng sản xuất đúng đắn giữa các khâu trong dây chuyền công nghệ với điều kiện thực tế khai trường mỏ, tạo nên một dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Công ty đã gắn hoàn thành kế hoạch sản lượng với hiệu quả kinh tế, xây dựng quy chế chính sách bình đẳng giữa các đơn vị đã phát huy tối đa nội lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Khoán quản trị chi phí ngày càng chặt chẽ tới từng phân xưởng chính và phụ trợ. Ký hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với các Quản đốc, Trưởng phòng các đơn vị làm tăng tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ đi đôi với quyền lợi tạo ra một động lực phát triển mới.

Sắp xếp tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tại lại đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển Doanh nghiệp.

Công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm được tăng cường, Công ty cử riêng một Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác khoán chi phí, thay đổi phương thức khoán, hàng tháng, quý đều có nghiệm thu khoán với từng đơn vị, thưởng, giảm trừ các chi phí đều minh bạch, công khai nên công tác khoán chi phí năm 2012 được Tập đoàn Vinacomin đánh giá cao.

Tổ chức quản lý tài chính một cách chủ động, linh hoạt, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay phục vụ kế hoạch SXKD, tài chính của Công ty lành mạnh.

 Công tác quản lý vật tư đã được thực hiện từ việc mua bán, cấp phát đến quản lý vật tư và theo dõi cấp phát đến từng thiết bị, thực hiện tốt việc thu cũ đổi mới. Vật tư được cung cấp đầy đủ , kịp thời đảm bảo cho sản xuất, giá cả hợp lý. Hệ thống kho tàng đã được củng cố đầu tư nâng cấp, hàng hóa được sắp xếp khoa học thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, cấp phát.

Chế độ đối với người lao động tiến hành triển khai thực hiện theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành phổ biến qui chế quản lý, sử dụng quĩ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty, qui chế được xây dựng công khai dân chủ: Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

1. ***Kế hoạch phát triển trong tương lai.***

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác chọn lọn và sàng tuyển, chế biến sâu.

Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên; Hoàn thiện dự án phát triển mỏ sau năm 2018 và khai thác khu vực Bắc Bàng Danh.

Đầu tư, liên kết khai thác chế biến khoáng sản, Khai thác bauxit.

1. ***Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)***

Không có ý kiến của Kiểm toán.

1. **Đánh giá của HĐQT về hoạt đọng của công ty**
2. ***Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:***

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT, chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý Công ty chặt chẽ, đúng pháp luật, minh bạch đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Trong năm, Hội đồng quản trị đã họp 14 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, ban hành 18 Nghị quyết, 33 Quyết định và 07 các văn bản khác để chỉ đạo sản xuất kinh doanh và phát triển Công ty.

HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn về giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, điều kiện khai thác khó khăn... , đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông.

Vốn chủ sở hữu của Công ty được bảo toàn và phát triển tốt. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty năm nay chỉ tăng hơn 1,8 tỷ đồng. Do năm 2012 lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đạt hơn 26 tỷ đồng, do vậy việc trích lập các quỹ dự phòng tài chính và bổ sung vốn Điều lệ thấp mỗi quỹ chỉ trích được hơn 900 triệu đồng.Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 13,79% phản ánh hiệu quả tương đối cao của vốn đầu tư vào công ty. Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản / tổng nợ) = 1,5 cho thấy Công ty đủ khả năng thanh toán các khoản nợ của mình.

1. ***Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.***

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn về giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, điều kiện khai thác khó khăn... kinh doanh có lãi. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 26,1 tỷ đồng, đảm bảo cổ tức và các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông. Sau đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tiến hành tổ chức lại cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp với điều kiện thực tế mới của Công ty. Hiện Công ty có 22 Công trường, Phân xưởng và 18 phòng ban. Ban giám đốc điều hành đã:

Triển khai kế hoạch của Tập đoàn giao, Công ty, lập và giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí và giá thành sản phẩm cho các đơn vị trong Công ty theo từng tháng, quý để các đơn vị tổ chức thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch đã giao, hàng tháng, quý Công ty đều tổ chức kiểm điểm rà soát lại các chỉ tiêu thực hiện từ cấp Công ty đến các Công trường, Phân xưởng để làm rõ trách nhiệm quản lý, điều hành và điều chỉnh kế hoạch, biện pháp thực hiện tiếp theo nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Phát huy được hiệu quả của thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất an toàn tạo nên sự đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị với nhau, quán triệt tư tưởng chỉ đạo: Hoàn thành kế hoạch sản lượng phải đi đôi với hiệu quả kinh tế.

Xây dựng được một cơ chế quản lý, điều hành bình đẳng giữa các đơn vị, phát huy sức mạnh tổng hợp của các đơn vị tổ xe, tổ máy, cá nhân phấn đấu vì mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Vật tư mua đảm bảo chất lượng theo giá hợp lý và được quản lý, theo dõi chặt chẽ từ khâu mua đến việc cấp phát cho từng đơn vị, đầu thiết bị.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả, không có các khoản nợ xấu.

Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty ký với các đối tác kinh doanh năm 2012 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Vinacomin. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tổng Giám đốc tập đoàn Vinacomin về việc hướng dẫn thực hiện Điều lệ Tập đoàn Vinacomin trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực.

Áp dụng thang bảng lương, chế độ đối với người lao động tiến hành triển khai thực hiện theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quĩ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá. Tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững, như: Tháng công nhân do Công đoàn quản lý, Đoàn thanh niên tham gia quản lý âm dương đất đá; Công đoàn, Nữ công tham gia, trực tiếp hoạt động phong trào chăm lo chu đáo đời sống cho người lao động…

1. ***Các kế hoạch và định hướng của HĐQT.***

Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, nâng cao chất lượng than thương phẩm để nâng cáo giá bán than. Hoàn thiện, xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý của Công ty chặt chẽ, nhưng vẫn linh hoạt, phù hợp với quy định mới của pháp luật. Ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức lao động để làm cơ sở khoán chi phí trong toàn công ty. Thực hiện tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng doanh thu, đảm bảo sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển Công ty ổn định.

Tính toán đầu tư thiết bị, công trình thật sự cần thiết phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo khả năng thu xếp vốn của Công ty với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.

Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý, điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đai hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đảm bảo quyền lợi chính đáng của các cổ đông Công ty.

Chỉ đạo bộ máy quản lý, điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1. **Quản trị Công ty:**
2. ***Hội đồng quản trị:***
	1. ***Thành viên và cơ cấu của HĐQT:***

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên:

- Ông Hoàng Minh Hiếu, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành;

- Ông Nguyễn Hồng Sơn, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc;

- Ông Ong Thế Minh, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc;

- Ông Nguyễn Việt Thanh, Thành viên HĐQT, Bí thư Đảng bộ Công ty;

- Ông Lam Anh Tuấn, Thành viên HĐQT, Quản đốc Vỉa 7&8.

Trong 05 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý Công ty và 02 là thành viên HĐQT không điều hành. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

* 1. ***Các tiểu ban thuộc HĐQT:***

Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, đã tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

* 1. ***Hoạt động của HĐQT:***

Trong năm, Hội đồng quản trị đã họp 14 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, ban hành 18 Nghị quyết ban hành 18 Nghị quyết, 33 Quyết định và 07 các văn bản khác để chỉ đạo sản xuất kinh doanh và phát triển Công ty. HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty, đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty.

* 1. ***Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:***

Trong HĐQT của công ty có 02 thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên HĐQT không điều hành đó tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và được giao nhiệm vụ trách nhiệm theo dõi các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp năng lực trình độ chuyên môn được đào tạo của mỗi người. Cả 02 thành viên HĐQT không điều hành đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

* 1. ***Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:*** Không có.
1. ***Ban Kiểm soát:***
	1. ***Thành viên và cơ cấu của BKS:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Số lượng cổ phiếu sở hữu** | **Số buổi họp tham dự 2012** |
| 1 | Ông Đào Xuân Nam | Trưởng ban | 651 | 4 |
| 2 | Ông Lương Xuân Hùng | Ủy viên |  | 4 |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thanh Tươi | Ủy viên | 600 | 4 |

* 1. ***Hoạt động của BKS:***

Trong năm 2012, BKS đó thực hiện tốt chức năng của mình, như: Giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác Kế toán, Thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

1. ***Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.***
	1. ***Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:***

05 thành viên HĐQT của Công ty: 114.410.640 đồng.

03 thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 64.237.320 đồng.

Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS: 178.647.960 đồng.

* 1. ***Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*** Không có.
	2. ***Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*** Không có.
1. **Báo cáo tài chính:**
2. ***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 6417/VINACOMIN - KT ngày 11/12/2012 của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó các khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2013 là: 35.810.000.000 đồng, Công ty không thực hiện phân loại sang chỉ tiêu “ Vay và nợ ngắn hạn” trên Bảng Cân đối kế toán.

1. ***Báo cáo tài chính được kiểm toán***
	1. ***Bảng cân đối kế toán***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Néi Dung** | **Sè d­ ®Çu n¨m** (VN§) | **Sè d­ cuèi n¨m**(VN§) |
| **I** |  **Tµi s¶n ng¾n h¹n** | **393.806.780.372** | **350.102.403.067** |
| 1 |  TiÒn vµ c¸c kho¶n t­­¬ng ®­­¬ng tiÒn | 6.388.017.275 | 2.691.192.275 |
| 2 |  C¸c kho¶n ®Çu t­­ tµi chÝnh ng¾n h¹n | 0 | 0 |
| 3 |  C¸c kho¶n ph¶i thu ng¾n h¹n | 237.980.060.830 | 136.490.762.064 |
| 4 |  Hµng tån kho | 148.566.634.151 | 194.286.222.540 |
| 5 |  Tµi s¶n ng¾n h¹n kh¸c  | 872.068.116 | 16.634.226.188 |
| **II** |  **Tµi s¶n dµi h¹n** | **341.373.814.474** | **348.935.207.526** |
| 2 |  Tµi s¶n cè ®Þnh | 340.573.814.474 | 276.877.173.883 |
|  |  *- Tµi s¶n cè ®Þnh h÷u h×nh*  | *335.211.075.001* | *273.058.234.364* |
|  |  *- Tµi s¶n cè ®Þnh v« h×nh*  | *173.397.846* | *129.397.846* |
|  |  *- Chi phÝ x©y dùng c¬ b¶n dë dang* | *5.189.341.627* | *3.689.541.673* |
| 4 |  C¸c kho¶n ®Çu t­ tµi chÝnh dµi h¹n | 0 | 0 |
| 5 |  Tµi s¶n dµi h¹n kh¸c | 800.000.000 | 72.058.033.643 |
| **III** |  **Tæng céng tµi s¶n** | **735.180.594.846** | **699.037.610.593** |
| **IV** | **Nî ph¶i tr¶**  | **489.653.369.187** | **455.095.826.010** |
| 1 | Nî ng¾n h¹n | 333.596.008.952 | 333.737.843.577 |
| 2 |  Nî dµi h¹n | 156.057.360.235 | 121.357.982.433 |
| **V** | **Nguån vèn chñ së h÷u** | **245.527.225.659** | **243.941.784.583** |
| 1 |  Nguån vèn chñ së h÷u | **225.000.547.170** | 226.836.219.176 |
|  |  *- Vèn ®Çu t­­ cña chñ së h÷u* | *91.000.000.000* | *136.497.380.000* |
|  |  *- ThÆng d­ vèn cæ phÇn* | *0* | *-46.818.182* |
|  |  *- Vèn kh¸c cña chñ së h÷u* | *110.498.848.429* | *73.423.126.086* |
|  |  *- C¸c quü* | *23.501.698.741* | *16.962.531.272* |
| 2 |  Nguån kinh phÝ vµ quü kh¸c | **20.526.678.489** | **17.105.565.407** |
|  |  *- Nguån kinh phÝ sù nghiÖp*  | 0 | 0 |
|  |  *- Nguån kinh phÝ ®· h×nh thµnh TSC§*  | 20.526.678.489 | 17.105.565.407  |
| **VI** | **Tæng céng nguån vèn** | **735.180.594.846** | **699.037.610.593** |

* 1. ***Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Stt | chiØ tiªu | N¨m tr­­íc | N¨m nay |
| 1 | Doanh thu b¸n hµng vµ cung cÊp dÞch vô | 2.062.623.023.563 | 1.575.560.360.048 |
| 2 | C¸c kho¶n gi¶m trõ doanh thu | 0 | 0  |
| 3 | Doanh thu thuÇn | 2.062.623.023.563 | 1.575.560.360.048 |
| 4 | Gi¸ vèn hµng b¸n | 1.780.661.047.560 | 1.370.441.906.497 |
| 5 | Lîi nhuËn gép vÒ b¸n hµng vµ cung cÊp dÞch vô | 281.961.976.003 | 205.118.453.551 |
| 6 | Doanh thu ho¹t ®éng tµi chÝnh | 6.395.183.893 | 774.318.416 |
| 7 | Chi phÝ tµi chÝnh | 28.838.128.522 | 40.063.400.775 |
| 8 | Chi phÝ b¸n hµng | 75.900.497.763 | 47.060.083.189 |
| 9 | Chi phÝ qu¶n lý doanh nghiÖp | 116.668.243.500 | 95.045.339.387 |
| 10 | LN thuÇn tõ ho¹t ®éng s¶n xuÊt kinh doanh | 66.950.290.111 | 23.723.948.616  |
| 11 | Thu nhËp kh¸c | 12.155.572.069 | 12.685.631.171 |
| 12 | Chi phÝ kh¸c | 5.891.428.566 | 10.223.937.140 |
| 13 | Lîi nhuËn kh¸c | 6.264.143.503 | 2.461.694.031  |
| 14 | Tæng LN kÕ to¸n tr­­íc thuÕ  | 73.214.433.614 |  26.185.642.647  |
| 15 | ThuÕ thu nhËp doanh nghiÖp | 9.172.471.513 | 7.360.740.776 |
| 16 | Lîi nhuËn sau thuÕ thu nhËp doanh nghiÖp | 64.041.962.101 |  18.824.901.871  |
| 17 | L·i c¬ b¶n trªn cæ phiÕu  | **4.692** |  **1.379**  |

* 1. ***Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã số** | **Chỉ tiêu** | **Thuyết minh** | **Năm 2012****VND** | **Năm 2011****VND** |
|  | **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** |  |  |  |
| ***01*** | ***1. Lợi nhuận trước thuế*** |  | ***26.185.642.647*** | ***73.214.433.614*** |
|  | ***2. Điều chỉnh các khoản*** |  | ***130.365.797.237*** | ***183.439.991.440*** |
| 02 |  - Khấu hao TSCĐ |  | 94.197.527.324 | 163.576.437.493 |
| 03 |  - Các khoản dự phòng |  | (383.783.251) | (426.975.529) |
| 05 |  - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư |  | (3.488.459.444) | (8.413.702.261) |
| 06 |  - Chi phí lãi vay  |  | 40.040.512.608 | 28.704.231.737 |
| ***08*** | ***3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** |  | ***156.551.439.884*** | ***256.654.425.054*** |
| 09 |  - Tăng, giảm các khoản phải thu |  | 100.871.741.828 | (87.141.163.948) |
| 10 |  - Tăng, giảm hàng tồn kho |  | (45.335.805.138) | (82.967.087.605) |
| 11 |  - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)  |  | (108.619.944.905) | (27.653.354.573) |
| 12 |  - Tăng, giảm chi phí trả trước  |  | (19.206.590.777) | 887.981.884 |
| 13 |  - Tiền lãi vay đã trả |  | (39.988.001.775) | (28.780.631.928) |
| 14 |  - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp |  | (9.775.007.680) | (8.247.960.635) |
| 15 |  - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh |  | 300.000 | 23.524.063.655 |
| 16 |  - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh |  | (87.059.079.493) | (8.238.779.373) |
| ***20*** | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** |  | ***(52.560.948.056)*** | ***38.037.492.531*** |
|  | **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** |  |  |  |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác |  | (30.474.173.475) | (127.560.891.295) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác  |  | 3.197.792.074 | 2.018.518.368 |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác |  |  -  | 5.500.000.000 |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia |  | 572.225.558 | 6.394.998.441 |
| ***30*** | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** |  | ***(26.704.155.843)*** | ***(113.647.374.486)*** |
|  | **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** |  |  |  |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được |  | 770.061.232.304 | 95.000.000.000 |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay |  | (681.223.040.605) | (91.699.030.117) |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu  |  | (13.269.912.800) | (18.202.657.900) |
| ***40*** | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** |  | ***75.568.278.899*** | ***(14.901.688.017)*** |
| **50** | **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**  |  | **(3.696.825.000)** | **(90.511.569.972)** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** |  | **6.388.017.275** | **96.899.587.247** |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ** |  | **2.691.192.275** | **6.388.017.275** |

* 1. ***Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012***

**1.THÔNG TIN CHUNG**

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2062/QĐ-BCN ngày 09/08/2006 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 5700101323, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 6, Khu 3, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty: 136.497.380.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

 Khai thác, thăm dò, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản khác.

Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng.

Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ khí.

Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa.

Vận tải đường bộ, đường thủy, đường sắt.

Kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và cho thuê quảng cáo.

Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa.

Sản xuất kinh doanh nước lọc tinh khiết.

Kinh doanh dịch vụ tin học.

Đặc điểm hoạt động trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Cuối năm Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam quyết toán khoán chi phí với Công ty theo hợp đồng phối hợp kinh doanh.

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ liên quan đến việc khai thác và sản xuất kinh doanh than cũng như chỉ tập trung tại Miền Bắc,do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý.

**2.CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

* 1. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

* 1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 12 năm 2006, bổ sung theo thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

* 1. **Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

* 1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

* 1. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

* 1. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp xác định Chi phí dở dang và Thành phẩm thực hiện theo Quyết định 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

* 1. **Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian ước tính như sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhà, vật kiến trúc | 5 – 25 | năm |
| Máy móc, thiết bị | 3–10 | năm |
| Phương tiện vận tải | 6–10 | năm |
| Thiết bị văn phòng | 4 –25 | năm |

* 1. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

* 1. **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và đuợc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

* 1. **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

* 1. **Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính Công ty đã kết chuyển số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào thu nhập khác theo hướng dẫn tại thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

* 1. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

* 1. **Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

* 1. **Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

* 1. **Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ ngày 1/1/2007 theo quy định hiện hành Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi với mức thuế suất thuế TNDN 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động. Năm 2011 công ty áp dụng thuế suất 20% và được miễn giảm 50% thuế TNDN phải nộp. Năm 2012 Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20%.

*Thuế tài nguyên*

Thuế tài nguyên đối với than sạch sản xuất trong kỳ: Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên chưa bao gồm thuế GTGT nhưng không thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh Quảng Ninh quy định, trường hợp giá bán tài nguyên khai thác thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh thì giá tính thuế tài nguyên xác định theo giá do UBND tỉnh quy định.Thuế suất thuế tài nguyên là 7%.

Thuế tài nguyên đối với đất đá lẫn than: Theo công văn số 1281/BTC-CST ngày 24/1/2013 về việc giải đáp vướng mắc việc thực hiện chính sách thuế của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam,theo đó giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên chưa bao gồm thuế GTGT nhưng không thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh Quảng Ninh quy định, trường hợp giá bán tài nguyên khai thác thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh thì giá tính thuế tài nguyên theo giá do UBND tỉnh quy định. Trường hợp trong bảng tính giá quy định về thuế tài nguyên của UBND tỉnh không có quy định về giá tính thuế đối với mặt hàng đất đá lẫn than hoặc giá của UBND tỉnh chưa phù hợp với thực tế thì Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có ý kiến đề nghị UBND tỉnh xây dựng giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính chưa có văn bản của UBND tỉnh quy định giá tính thuế của sản phẩm này. Do đó Công ty xác định giá tính thuế tài nguyên là giá bán của sản phẩm. Thuế suất thuế tài nguyên là 5%.

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán AASC. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: [www.thanhatu.com.vn](http://www.thanhatu.com.vn) hoặc [www.hatucoal.vn](http://www.hatucoal.vn) .

Công ty xin trân trọng cám ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBCK Nhà nước (b/c);- Sở giao dịch CK Hà Nội (b/c);- Website Công ty;- Lưu: VT, Thư ký. | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****CHỦ TỊCH****Hoàng Minh Hiếu** |